

Thẻ tạm trú cho người nước ngoài



3 loại thẻ tạm trú ĐT cho người nước ngoài

Tùy thuộc vào số vốn bỏ ra để đầu tư, người nước ngoài sẽ được cấp thẻ tạm trú có thời hạn khác nhau.

Theo quy định mới nhất của Luật xuất nhập cảnh mới (2020), có tới 3 loại thẻ tạm trú ĐT:

Thẻ tạm trú ĐT 1

Cấp cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và người đại diện cho tổ chức nước ngoài đầu tư tại Việt Nam có vốn góp giá trị từ 100 tỷ đồng trở lên hoặc đầu tư vào ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư do Chính phủ quyết định.

Thời hạn tối đa 10 năm.

Thẻ tạm trú ĐT 2

Cấp cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và người đại diện cho tổ chức nước ngoài đầu tư tại Việt Nam có vốn góp giá trị từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng hoặc đầu tư vào ngành, nghề khuyến khích đầu tư phát triển do Chính phủ quyết định.

Thời hạn tối đa 5 năm.

Thẻ tạm trú ĐT 3

Cấp cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và người đại diện cho tổ chức nước ngoài đầu tư tại Việt Nam có vốn góp giá trị từ 03 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng.

Thời hạn tối đa 3 năm

Điều kiện xin Thẻ tạm trú Đầu tư Việt Nam

Điều kiện quan trọng nhất là người nước ngoài phải là Nhà đầu tư với số vốn góp từ 3 tỉ trở lên Người nước ngoài là Nhà đầu tư khi:

- Mua cổ phần một công ty tại Việt Nam
- Góp vốn vào một công ty tại Việt Nam

– Tự mình mở một công ty ở Việt Nam

Ngoài ra, người đại diện cho phần vốn góp của tổ chức đầu tư cũng sẽ được cấp thẻ tạm trú ĐT Các giấy tờ chứng minh là Nhà đầu tư

– Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện góp vốn.

– Đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động của công ty.

– Giấy tờ chứng minh đã góp vốn: Báo cáo tài chính hoặc xác nhận của ngân hàng.

Ngoài ra, các điều kiện khác cũng cần đảm bảo là:

– Hộ chiếu còn thời hạn trên 1 năm

– Đang tạm trú hợp pháp tại Việt Nam. Tức là visa còn thời hạn và phải khai báo tạm trú theo quy định.

Bạn có thể thực hiện khai báo tạm trú trực tiếp tại công an xã, phường. Hoặc khai báo trực tuyến qua: Khai báo tạm trú trực tuyến Xem thêm: [dịch vụ thẻ tạm trú](#) cho người nước ngoài

Giấy phép lao động cho người nước ngoài

Hiện nay có không ít những trường hợp mà doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong những lĩnh vực đòi hỏi người lao động có chuyên môn tay nghề cao và người sử dụng lao động cũng có nhu cầu muốn tuyển dụng người lao động nước ngoài là chuyên gia trong những lĩnh vực đấy. Doanh nghiệp muốn tuyển dụng người lao động nước ngoài trước hết cần phải có giấy phép lao động cho người nước ngoài đó. Vậy cần phải chuẩn bị những gì khi xin cấp giấy phép cho lao động nước ngoài? Trong bài viết này, KAV Lawyers sẽ cung cấp cho bạn đọc các bước và hồ sơ cần chuẩn bị để thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép lao động cho chuyên gia là người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam.

Trình tự, thủ tục cấp giấy phép lao động cho chuyên gia là người nước ngoài, (hay người lao động nước ngoài trong các trường hợp làm tại vị trí công việc quản lý, điều hành, và lao động kỹ thuật nói chung) về cơ bản, có những thay đổi nhất định theo Bộ Luật lao động mới và Nghị định hướng dẫn mới (Nghị định 152/2020/NĐ-CP quy định về quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam), doanh nghiệp cần phải lưu ý những điểm mới này khi chuẩn bị hồ sơ cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài.

Bước 1. Giải trình nhu cầu sử dụng lao động

Theo BLLĐ 2019, tại khoản 2 Điều 152 có quy định “Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân trước khi tuyển dụng người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam phải giải trình nhu cầu sử dụng lao động và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

– Để giải trình nhu cầu sử dụng lao động, doanh nghiệp cần chuẩn bị văn bản sau:

+ Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài;

+ Giấy ủy quyền cho người nộp hồ sơ.

– Sau đó nộp báo cáo giải trình theo mẫu đến Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc.

– Thời hạn nộp là trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

– Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc.

Xem thêm: [giấy phép lao động cho người nước ngoài](#)

Miễn thị thực cho người nước ngoài

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY MIỄN THỊ THỰC CHO NGƯỜI GỐC VIỆT NAM VÀ THÂN NHÂN GIA ĐÌNH

1. Đối tượng được xét cấp Giấy miễn thị thực:

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài được miễn thị thực nhập cảnh nếu: (1) có hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ thay hộ chiếu nước ngoài còn giá trị ít nhất 12 tháng kể từ ngày nhập cảnh; trường hợp không có hộ chiếu/giấy tờ thay hộ chiếu thì phải có giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp còn giá trị ít nhất 06 tháng kể từ ngày nhập cảnh và (2) có Giấy miễn thị thực do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

- Người nước ngoài là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài được miễn thị thực nhập cảnh nếu (1) có hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ thay hộ chiếu nước ngoài (dưới đây gọi tắt là hộ chiếu) còn giá trị ít nhất 06 tháng kể từ ngày nhập cảnh; và (2) có Giấy miễn thị thực do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

Giấy miễn thị thực có giá trị dài nhất là 05 năm và ngắn hơn thời hạn của hộ chiếu hoặc giấy tờ cư trú của nước ngoài là 06 tháng.

2. Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài:

a) Một (01) Tờ khai đề nghị cấp Giấy miễn thị thực: có thể khai trực tuyến trên mạng (<http://mienthithucvk.mofa.gov.vn/%C4%90%C4%83ngk%C3%BD/Khaitr%E1%BB%B1ctuy%E1%BA%BFn/tabid/104/Default.aspx> hoặc <http://lanhsuvietsnam.gov.vn>), sau đó in ra và ký và dán ảnh vào tờ khai đã hoàn thiện; hoặc khai, ký và dán ảnh theo tờ khai mẫu được tải từ trang web vừa nêu xuống). Lưu ý: mục "trẻ em đi cùng" chỉ khai khi trẻ em đi chung hộ chiếu với đương đơn (hộ chiếu của đương đơn có ghi rõ tên và ảnh của trẻ em đó). Không khai mục này khi trẻ em đó đi cùng chuyến đi với đương đơn nhưng có riêng hộ chiếu.

b) Một ảnh (hình) màu, mới chụp, cỡ 4cm x 6cm (hoặc 2 inches x 2 inches), phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, không đeo kính màu, không đội mũ: 01 ảnh dán vào Tờ khai, 01 ảnh ghim hoặc dính kèm Tờ khai.

c) Hộ chiếu (Passport) nước ngoài hoặc giấy tờ cư trú do nước ngoài cấp như Re-entry Permit hoặc Green Card: Nộp bản chính, và 01 bản sao (nếu đến nộp hồ sơ trực tiếp tại Lãnh sự quán), hoặc gửi bản chính kèm một bản sao, Lãnh sự quán sẽ gửi trả bản chính sau khi dán giấy miễn thị thực vào hộ chiếu, và giữ lại bản sao để lưu hồ sơ.

d) Giấy tờ chứng minh là người Việt Nam định cư ở nước ngoài: Xuất trình bản chính, nộp 01 bản sao để lưu hồ sơ (nếu đến nộp hồ sơ trực tiếp tại LSQ, Đại sứ quán sẽ gửi trả bản chính sau khi đổi chiếu, và giữ lại bản sao để lưu hồ sơ, một trong các giấy tờ sau:

- + Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam; hoặc
- + Bản sao hoặc bản trích lục Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam; hoặc
- + Bản sao hoặc bản trích lục Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam; hoặc
- + Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; hoặc
- + Giấy khai sinh; hoặc
- + Thẻ cử tri mới nhất; hoặc
- + Hộ chiếu Việt Nam đã hết giá trị sử dụng (người có hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng không thuộc đối tượng cấp Giấy miễn thị thực); hoặc + Giấy chứng minh nhân dân (còn hoặc đã hết giá trị); hoặc + Sổ hộ khẩu; hoặc
- + Sổ thông hành cấp trước 1975; hoặc
- + Thẻ căn cước cấp trước 1975; hoặc

- + Trích lục Bộ khai sinh cấp trước 1975; hoặc
 - + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp nếu trong đó có ghi người được cấp giấy tờ đó có quốc tịch gốc hoặc gốc Việt Nam.
- Xem thêm: [Miễn thị thực cho người nước ngoài](#)

Công văn nhập cảnh cho người nước ngoài

Công văn nhập cảnh là gì?

Công văn nhập cảnh là văn bản chấp thuận của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh đồng ý cho cá nhân hay tập thể nhiều người nước ngoài được phép xuất nhập cảnh một lần hoặc nhiều lần vào Việt Nam.

Việc xin Công văn nhập cảnh cho người nước ngoài là bước đầu tiên trong quy trình xin visa Việt Nam cho người nước ngoài. Để xin được mẫu văn bản chấp thuận này thì người nước ngoài cần được một cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam bảo lãnh. Cơ quan, tổ chức nào mời, bảo lãnh cho người nước ngoài vào Việt Nam thì cơ quan tổ chức đó phải đến cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an để làm thủ tục bảo lãnh xin công văn nhập cảnh.

Sau khi được cấp công văn nhập cảnh, đơn vị bảo lãnh cần gửi nó cho người nước ngoài để họ hoàn thiện thủ tục cấp Visa Việt Nam tại Đại sứ quán/Lãnh sự quán Việt Nam tại các nước hoặc tại các sân bay, cửa khẩu quốc tế (cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu đường thủy).

Phân loại công văn nhập cảnh

Tùy thuộc vào mục đích nhập cảnh Việt Nam của người nước ngoài, địa điểm nhận visa Việt Nam, thời hạn visa cấp cho người nước ngoài mà công văn nhập cảnh Việt Nam có cách phân loại cụ thể như sau:

Phân loại theo địa điểm nhận visa: cửa khẩu sân bay quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu đường thủy, đại sứ quán/ lãnh sự quán/ tổng lãnh sự quán Việt Nam tại các nước.

Phân loại theo mục đích vào Việt Nam: du lịch/ công tác/ làm việc/ du học...

Phân loại theo thời hạn visa và số lần ra vào Việt Nam: hoặc 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm /1 lần, nhiều lần.

Công văn nhập cảnh có thể hiểu là thư mời của Cục XNC Việt Nam

Công văn nhập cảnh có thể hiểu là thư mời của Cục XNC Việt Nam

Những ai phải xin công văn nhập cảnh Việt Nam?

Trừ công dân các nước được miễn visa nhập cảnh Việt Nam thì các trường hợp còn lại phải xin công văn nhập cảnh tại Việt Nam trước, sau đó họ mới được phép nhận visa Việt Nam. Những mục đích nhập cảnh và các loại visa sau đây phải xin công văn nhập cảnh:

Phải xin công văn nhập cảnh đối với mục đích Thương mại, công tác, làm việc với doanh nghiệp Việt Nam;

Phải xin công văn nhập cảnh đối với mục đích Đầu tư;

Phải xin công văn nhập cảnh đối với mục đích vào thực tập, học tập tại Việt Nam;

Phải xin công văn nhập cảnh đối với mục đích vào dự hội nghị, hội thảo;

Phải xin công văn nhập cảnh đối với mục đích phóng viên, báo chí thường trú tại Việt Nam

Phải xin công văn nhập cảnh đối với mục đích theo thân người nước ngoài là vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của người nước ngoài được cấp thị thực ký hiệu LV1, LV2, ĐT, NN1, NN2, DH, PV1, LĐ hoặc người nước ngoài là cha, mẹ, vợ, chồng, con của công dân Việt Nam.

Xem thêm: [Dịch vụ công văn nhập cảnh](#) cho người nước ngoài.